

Bản án số: **08/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 01 - 2025

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân

2. Ông Phan Văn Tao.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2394/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Tống Thị Hằng M, sinh năm 2000 (*Có mặt*)

Địa chỉ thường trú: Số H, Ấp B (Cũ là: Tổ 6, Ấp F), xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH T2, Đường Số H, khu chế xuất T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Ông Bùi Minh T, sinh năm 1997 (*Xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Số H, Ấp B (Cũ là: Tổ 6, Ấp F), xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Tống Thị Hằng M là nguyên đơn trình bày:***

Bà Tống Thị Hằng M và ông Bùi Minh T tự nguyện kết hôn năm 2020. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020.

Khi kết hôn bà M và ông T cùng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của ông T ở địa chỉ số H, Ấp B (Cũ là: Tổ 6, Ấp F), xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống cũng hạnh phúc nhưng kể từ đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Bùi Minh T thiếu

trách nhiệm với gia đình, ham chơi, không chăm sóc, giúp đỡ vợ con, không tích cực vun vén hạnh phúc gia đình. Cụ thể là ông Bùi Minh T nhiều năm qua không có việc làm, cuộc sống gia đình phụ thuộc chủ yếu vào tiền lương của bà. Ông T không đi làm kiếm tiền phụ bà lo cho các con, để mặc mình bà lo cho con cái ăn học. Vì vậy nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau. Bà và ông T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Cũng từ năm 2022 đến nay bà và các con đã thuê nhà ở riêng. Bà Tống Thị Hằng M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con là trẻ Bùi Ngọc Phương U, sinh ngày 19/10/2020 (Nữ) và trẻ Bùi Minh T1, sinh ngày 19/7/2022 (N1). Cả hai con hiện đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Hiện nay bà đang làm công nhân, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

***Tại Bản tự khai ông Bùi Minh T là bị đơn trình bày ý kiến:***

Ông và bà Tống Thị Hằng M tự nguyện kết hôn năm 2020. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020.

Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được nhiều năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, kinh tế không ổn định, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông và bà M đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Ông và bà M đã sống ly thân. Hiện nay ông đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy N2.

Nay, bà Tống Thị Hằng M yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là trẻ Bùi Ngọc Phương U, sinh ngày 19/10/2020 (Nữ) và trẻ Bùi Minh T1, sinh ngày 19/7/2022 (N1). Các con chung đang do bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cả hai con chung cho bà Tống Thị H Mi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do ông đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy Nhị Xuân nên ông không thể cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020 thì bà Tống Thị Hằng M và ông Bùi Minh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Tống Thị Hằng M xin ly hôn ông Bùi Minh T, ông T có nơi cư trú tại huyện N trước khi bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Minh T là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về các yêu cầu của đương sự:**

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Bùi Minh T thiếu trách nhiệm với gia đình, ham chơi, không chăm sóc, giúp đỡ vợ con, không tích cực vun vén hạnh phúc gia đình. Cụ thể là ông Bùi Minh T nhiều năm qua không có việc làm, cuộc sống gia đình phụ thuộc chủ yếu vào tiền lương của bà. Ông T không đi làm kiếm tiền phụ bà lo cho các con, để mặc mình bà lo cho con cái ăn học. Vì vậy nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau. Bà và ông T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Cũng từ năm 2022 đến nay bà và các con đã thuê nhà ở riêng.

Căn cứ theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã P, huyện N thì *“Quá trình chung sống tại địa chỉ Số H, Tổ F, Ấp F (Nay là Ấp B), vợ chồng bà M và ông T không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng phải đưa ra giải quyết tại cơ quan”*.

Căn cứ theo kết quả xác minh của Công an xã P, huyện N thì *“Đương sự Bùi Minh T, sinh năm 1997, nơi thường trú: Số H đường H, Ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang chấp hành cai nghiện ma túy bắt buộc”*.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

*Hội đồng xét xử xét:*

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tống Thị Hằng M và ông Bùi Minh T đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Bà M và ông T đã mạnh ai người nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, ông T hiện nay đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Nhị Xuân nên ông T không có cơ hội hàn gắn với bà M. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Tống Thị H Mi ly hôn ông Bùi Minh T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con.

*Hội đồng xét xử xét:*

Bà Tống Thị Hằng M và ông Bùi Minh T có 02 con chung là trẻ Bùi Ngọc Phương U, sinh ngày 19/10/2020 (Nữ) và trẻ Bùi Minh T1, sinh ngày 19/7/2022 (N1). Hiện nay cả hai con đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M hiện đang thuê nhà ở ổn định, làm công nhân, thu nhập khoảng 9 triệu đồng mỗi tháng. Để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử giao cả hai con là trẻ Bùi Ngọc Phương U, sinh ngày 19/10/2020 (Nữ) và trẻ Bùi Minh T1, sinh ngày 19/7/2022 (N) cho bà M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: Bà M và ông T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà M và ông T xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà M phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0018246 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật trẻ em năm 2016;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tống Thị Hằng M được ly hôn ông Bùi Minh T.

- Về con chung: Giao cả hai con là trẻ Bùi Ngọc Phương U, sinh ngày 19/10/2020 (Nữ) và trẻ Bùi Minh T1, sinh ngày 19/7/2022 (N) cho bà Tống Thị Hằng M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Bà Tống Thị Hằng M có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Bùi Minh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà M và ông T xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà M nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018246 ngày 22 tháng

10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Tổng Thị Hằng M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Long**